TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS - PT
Ngày: 24 - 3 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLPT- DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2021/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Trung H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số nhà 377A8, khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1978;

Ông Phan Văn G, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Số nhà 269F, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (ông G uỷ quyền cho bà P, bà P có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Trung H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ngày 10/9/2011 âm lịch, ông H có mở và làm chủ dây hụi tháng 1.000.000 đồng, dây hụi có 54 phần hụi chia thành 02 dây nhỏ, mỗi dây 27 phần. Việc chia làm 02 dây là để rút ngắn thời gian chơi hụi nên trong sổ hụi không có sự tách bạch số hụi viên cũa mỗi dây hụi gồm những ai, chỉ ghi số thứ tự hụi viên và mỗi tháng khui 02 phần hụi. Bà P chơi 03 phần (01 dây 02 phần, 01 dây 01 phần), trong sổ hụi được chú thích là Út 3 N tại số thứ tự 33, 34 và Út Ba N tại số thứ tự 48. Hụi mãn vào ngày 10/10/2013 âm lịch nhằm ngày 12/11/2013 dương lịch, mỗi tháng có 02 phần hốt.

Ngày 10/9/2011 âm lịch, hụi khui tháng đầu tiên 280.000 đồng, bà P bỏ thăm thấp hơn nên không bị hốt hụi. Do bà P cần tiền muốn hốt 02 phần hụi nên ông H đã mua 02 phần hụi của bà P và giao cho bà P số tiền 36.440.000 đồng trong 03 lần: lần 01 giao ngày 08/10/2011 số tiền 29.240.000 đồng, lần 02 giao số tiền 5.760.000 đồng, lần 03 giao số tiền 1.440.000 đồng, mỗi lần giao tiền bà P đều có ký nhận vào Giấy tờ tay hụi viên hốt. Hai phần hụi này bà P đóng được 10 tháng hụi chết, còn nợ lại ông H mỗi phần 16 tháng hụi chết số tiền 16.000.000 đồng, tổng cộng 32.000.000 đồng.

Đến tháng 10/2011 âm lịch, hụi khui 290.000 đồng, bà P cần tiền nên muốn hốt, ông H tiếp tục mua phần hụi này của bà P vào giao cho bà P số tiền 18.250.000 đồng vào ngày 06/11/2011 dương lịch nhằm ngày 11/10/2011 dương lịch. Bà P đóng được 10 tháng hụi chết, còn nợ ông H 15 tháng hụi chết, tương đương với số tiền 15.000.000 đồng.

Ngày 25/01/2012 âm lịch, ông H tiếp tục mở và làm chủ dây hụi tháng 1.000.000 đồng, gồm 75 phần chia làm 03 dây nhỏ, mỗi dây 25 phần. Việc chia làm 03 dây là để rút ngắn thời gian chơi hụi nên trong sổ hụi không có sự tách bạch số hụi viên của mỗi dây hụi gồm những ai, chỉ ghi số thứ tự hụi viên và mỗi tháng khui 03 phần hụi. Bà P chơi 02 dây mỗi dây 01 phần, trong sổ hụi được chú thích là Út 3 N tại số thứ tự 48, 49. Hụi mãn vào ngày 25/12/2013 âm lịch nhằm ngày 25/01/2014 dương lịch. Tháng đầu tiên kêu 290.000 đồng, bà P hốt hết 01 phần, sau đó trừ tiền thảo 500.000 đồng mỗi phần, ông H giao cho bà P số tiền 33.080.000 đồng vào ngày 18/02/2012. Bà P có ký nhận vào Giấy tờ hợp đồng hụi ngày 18/02/2012. Bà P đóng được 11 tháng hụi chết, còn nợ lại ông H mỗi phần 13 tháng hụi chết, tương đương với số tiền 26.000.000 đồng.

Tổng cộng, bà P còn nợ ông H số tiền 73.000.000 đồng. Do trong quá trình khởi kiện nguyên đơn tính toán sai số tiền còn nợ là 71.000.000 đồng. Để tránh làm mất thời gian tố tụng, ông H tự nguyện trừ đi 02 phần hụi chết, ông H chỉ yêu cầu bà P trả số tiền 71.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi số tiền trên từ ngày 01/5/2014 đến khi xét xử sơ thẩm tính tròn 91 tháng theo lãi suất 0.83%/tháng số tiền 53.626.300 đồng.

Ông H xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Phan Ngọc Giàu do không có căn cứ buộc ông G chịu trách nhiệm liên đới.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P trình bày:

Năm 2011 bà P có chơi 01 dây hụi do ông H là chủ hụi. Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 10/9/2011 âm lịch, gồm 18 phần, bà P chơi 01 phần, hụi khui ngày 10 âm lịch hàng tháng. Bà P kêu 200.000 đồng, hốt hụi đầu vào ngày 10/9/2011 âm lịch, sau khi trừ thảo 500.000 đồng, ông H giao cho bà P số tiền 13.100.000 đồng. Bà P đóng được 10 tháng hụi chết 10.000.000 đồng, còn nợ 7 phần hụi chết 7.000.000 đồng.

Năm 2012, bà P có chơi 02 dây hụi do ông H làm chủ hụi. Hụi 500.000 đồng.

+ Dây thứ nhất: mở ngày 25/01/2012 âm lịch, gồm 17 phần, bà P chơi 01 phần, bà P kêu 100.000 đồng, hốt hụi đầu, sau khi trừ tiền thảo 250.000 đồng, ông H giao bà P 6.150.000 đồng. Bà P đóng được 11 phần hụi chết 5.500.000 đồng, còn nợ 6 phần hụi chết 3.000.000 đồng.

+ Dây thứ hai: mở ngày 25/01/2012 âm lịch gồm 18 phần, bà P chơi 01 phần, hụi khui ngày 25 âm lịch hàng tháng. Bà P kêu 100.000 đồng hốt hụi đầu vào ngày 25/01/2012 âm lịch, sau khi trừ tiền khảo 250.000 đồng, ông H giao cho bà P số tiền 6.700.000 đồng. Bà P đóng được 11 phần hụi chết 5.500.000 đồng, còn nợ 6 phần hụi chết 3.000.000 đồng.

Tổng cộng, bà P chỉ còn nợ ông H 12.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà P thay đổi lời khai, cho rằng bà tham gia chơi của ông H 04 dây hụi cụ thể:

Ngày 10/9/2011 âm lịch, bà tham gia chơi hụi do ông H mở, hụi tháng 1.000.000 đồng, có 54 phần hụi chia làm 02 dây, mỗi dây 27 phần. Bà tham gia 02 dây, mỗi dây 01 phần tại số thứ tự 33, 34 trong sổ hụi. Phần hụi thứ 48 trong sổ hụi không phải của bà do tên "Út Ba N" ghi bằng chữ trong khi tại số thứ tự 33, 34 ghi bằng số. Tháng đầu tiên bà kêu 250.000 đồng nên không hốt hụi được. Ông H mua lại 02 phần hụi của bà và giao cho bà số tiền mỗi dây là 19.750.000 đồng. Bà đã đóng xong tất cả các phần hụi chết của 02 dây này cho ông H. Khi đóng hụi không có làm giấy tờ gì, chỉ có ông H tự theo dõi. Chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà là sổ hụi do ông H cung cấp. Mỗi dấu + trong sổ hụi tượng trưng cho 02 tháng hụi chết bà đã đóng cho anh H. Tờ Giấy tờ vay hụi viên hốt vào ngày 08/10/2011 do ông H đưa giấy trắng cho bà ký tên rồi ghi nội dung vào sau. Đối với chữ ký tên tại mặt sau: "Giấy tờ tay hụi viên hốt" không phải của bà, bà đã yêu cầu giám định chữ ký chữ viết. Theo kết quả giám định xác định chữ viết tên "Nguyễn Thị Tuyết P" tại dòng thứ 12 không phải của bà. Tuy nhiên bà không yêu cầu giám định lại vì cho rằng những chữ ký này không quan trọng do ông H không có chứng cứ chứng minh bà còn nợ tiền hụi.

Ngày 25/01/2012 âm lịch, bà có chơi 02 dây hụi tháng do ông H làm chủ hụi, hụi 1.000.000 đồng, mở vào ngày 25 hàng tháng. Mỗi dây bà tham gia 01 phần. Tháng đầu tiên bà kêu 290.000 đồng, hốt hụi đầu số tiền 12.000.000 đồng mỗi dây. Bà còn nợ lại mỗi dây 06 phần hụi chết, tổng cộng 12.000.000 đồng. Giấy tờ hợp

đồng chơi hụi ngày 18/12/2012 cũng do ông H đưa cho bà giấy trắng yêu cầu bà ký tên còn nội dung ông H ghi sau.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền còn nợ là 12.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, bà yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2021/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trung H: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P có trách nhiệm trả cho ông Trần Trung H số tiền 71.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trung H đối với bị đơn ông Phan Ngọc Giàu về nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Nguyễn Thị Tuyết P.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung H đối với phần yêu cầu tính lãi số tiền nợ hụi 71.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/12/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P kháng cáo bản án sơ thẩm, bà cho rằng chỉ thiếu ông H 12.000.000 đồng, không phải là 71.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Trần Trung H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P trả số tiền nợ hụi là 71.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/5/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là 53.626.300 đồng. Chứng cứ chứng minh là bản chính Giấy tờ hợp đồng chơi hụi ngày 18/02/2012 (BL 12), Giấy tờ tay hụi viên hốt ngày 08/10/2011 (BL 13, 13A) và Sổ hụi. Bà P thừa nhận chữ ký và chữ viết

trên Giấy tờ hợp đồng chơi hụi ngày 18/02/2012 và Giấy tờ tay hụi viên hốt (BL 13) là của bà, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS. Đối với 03 chữ ký tên và 02 chữ viết ở mặt sau Giấy tờ tay hụi viên hốt (BL 13A) bà không thừa nhận là chữ ký của bà. Tại kết luận giám định số 250 ngày 23/6/2021 của Phòng KTHS Công an tỉnh Bến Tre xác định, 03 chữ ký ở mặt sau Giấy tờ tay hụi viên hốt (BL 13A) là chữ ký của bà P, chỉ có chữ viết "Nguyễn T Tuyết Phương" tại dòng thứ 12 không phải là chữ viết của bà P.

[2] Đối với dây hụi ngày 10/9/2011al, bà P cho rằng chỉ tham gia 2 dây hụi, mỗi dây 1 phần, bà bán 02 phần hụi này cho ông H số tiền 19.750.000 đồng/phần; ông H cho rằng, bà P chơi 3 phần, 01 dây 2 phần và 1 dây 1 phần; căn cứ Giấy tờ tay hụi viên hốt ngày 08/10/2011 ông H giao cho bà P 02 phần là 36.440.000 đồng, ngày 06/11/2011 giao thêm 01 phần là 18.250.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định ngày 10/9/2011al bà P chơi 03 dây hụi và đã hốt tổng cộng 54.690.000 đồng. Đối với dây hụi ngày 25/01/2012al, bà thừa nhận tham gia 2 dây hụi, bà hốt hụi đầu số tiền 17.250.000 đồng mỗi dây, căn cứ Giấy tờ hợp đồng chơi hụi ngày 18/02/2012 ông H giao cho bà P 33.080.000 đồng.

[3] Về số tiền hụi chết: Bà P cho rằng, dây hụi ngày 10/9/2011al bà đã đóng mãn các phần hụi chết, dây hụi ngày 25/01/2012al bà chỉ còn nợ ông H 12 phần hụi chết của 2 dây hụi số tiền là 12.000.000 đồng.

Căn cứ Sổ hụi ghi danh sách hụi viên tham gia chơi hụi do ông H giao nộp (BL 64, 65) thể hiện, dây hụi ngày 10/9/2011al bà P chơi các dây hụi tại số 33, 34 và 48,49 tên "Út 3 N", mỗi lần hụi viên đóng thì ông H đánh dấu vào sổ, kết thúc dây hụi ông H đánh chữ "R" và ghi "Mãn rồi". Ông H cho rằng ông đánh dấu như vậy là để đối phó với vợ của ông vì vợ ông không cho bà P chơi hụi, tuy nhiên ông không có chứng cứ chứng minh, do đó không có cơ sở xác định bà P còn nợ ông H các phần hụi chết.

Căn cứ Sổ hụi ghi danh sách hụi viên tham gia chơi hụi do ông H giao nộp (BL 68) thể hiện, dây hụi ngày 25/01/2012al ông H bỏ trống không đánh dấu vào sổ, mà theo bà P trình bày bà còn nợ ông H 12.000.000 đồng của 02 phần hụi chết, lời trình bày của bà P phù hợp với Sổ hụi ông H ghi nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, Toà sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 429 BLDS đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét kháng cáo của bà P là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2021/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 149, 155, 429, 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trung H: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P có trách nhiệm trả cho ông Trần Trung H số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trung H đối với bị đơn ông Phan Ngọc G về nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Nguyễn Thị Tuyết P.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung H đối với phần yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ hụi.

4. Chi phí giám định: Bà P phải chịu 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng và đã nộp xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết P phải chịu án phí là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng.

Ông Trần Trung H phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là 2.950.000 (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 3.206.000 (ba triệu hai trăm lẻ sáu nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005283 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn lại cho ông H số tiền 256.000 (hai trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết P không phải chịu. Hoàn lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002738 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hương